TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1029 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12.10.2018
V/v Ly hôn giữa chị A và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH Đ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà V.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà C

Ông H

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà T - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà P - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2018/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị A – Sinh năm 1992** (có mặt)
Cư trú: Tổ 20A, KV 2, P. U Tp. Q, Đ.
* Bị đơn : **Anh B – Sinh năm 1974** (Vắng mặt)
HKTT: Tổ 41, KV 5, phường O, TP Q , tỉnh Đ
Nơi ở: Tổ 20A, KV 2, P. U, TP Q, tỉnh Đ.
Hiện nay anh B đang chấp hành hình phạt tù tại: Trại giam X, thuộc xã P, huyện Z, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11.4.2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị A trình bày:*

Chị và anh B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 10.12.2010 tại UBND phường U, thành phố Q. Sau khi cưới vợ chồng chung

sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không chăm lo cho gia đình mà còn ra ngoài quan hệ với người phụ nữ khác về nhà đámh đập chị. Khoảng giữa năm 2016 chị bắt gặp anh B dẫn người phụ nữ khác về nhà, chị nói thì anh B đánh chị, vì vậy chị đã bỏ về phía ruột ở từ đó cho đến nay. Năm 2017 anh B bị công an bắt sau đó bị Tòa xử 7 năm 6 tháng tù về tội mua bán ma túy. Thời gian anh B chấp hành hình phạt chị đã nhiều lần đi thăm nuôi, anh B bảo chị bán nhà để trả nợ ngân hàng do anh gây ra, số tiền còn dư anh B để cháu của anh quản lý, anh B không tin tưởng vợ con. Bản thân chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị xin Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Hiện nay sức khỏe của chị bình thường, không có thai.

Về con chung : Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên K – sinh ngày 06/10/2010 đang ở với chị, sức khỏe bình thường. Ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung; Hai bên tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07.9.2018 và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trương Văn Tân trình bày:*

Anh thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như chị A trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong cuộc sống vợ chồng có đôi lúc cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng theo anh không đáng kể. Đến tháng 01/2017, anh vi phạm pháp luật bị Tòa án xử 7 năm 6 tháng tù về tội mua bán ma túy. Sau khi thụ án, khoảng 1 năm đầu chị A có đến thăm nuôi, sáu đó chị A không đến nữa. Ở nhà chị A tự ý quyết định mọi vấn đề trong gia đình mà không bàn bạc với anh. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị A xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung : Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên K – sinh ngày 06/10/2010 đang ở với chị A, sức khỏe bình thường. Ly hôn anh thống nhất để chị A nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con theo tự nguyện.

Về tài sản chung, nợ chung; Hai bên tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị A và anh B.

- Về con chung: Giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: chị A không yêu cầu giải quyết.

- Án phí HNGĐST: Chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung: Chị A và anh B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường U vào ngày 11.7.2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó giữa vợ chồng xãy ra mâu thuẫn, thể hiện rỏ nhất là thời gian anh B thụ án, giữa anh chị không tin tưởng lẫn nhau từ đó dẫn đến tình cảm rạng nức. Nay chị A xin ly hôn, anh B cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đã đồng ý. Vì anh B vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cho ly hôn giữa chị A và anh B.

[3] Về con chung: Chị A và anh B thống nhất quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung tên K – sinh ngày 06/10/2010 đang ở với chị A, sức khỏe bình thường. Ly hôn chị Axin được trực tiếp nuôi con, anh B cũng đồng ý với yêu cầu của chị A, nguyện vọng của cháu K cũng xin được ở với mẹ. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX giao con chung tên K, sinh ngày 06/10/2010 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B tự giải quyết, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Đề nghị của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận.

[6] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, chị A phải chịu 300.000 đồng án phí HNST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về con chung: Giao con chung tên K – sinh ngày 06/10/2010 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: chị A không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B tự giải quyết, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí HNGĐST: Chị A phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006316 ngày 23.4.2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Q. Chị A đã nộp đủ án phí HNGĐST.

Đương sự có mặt có quyền đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Tân có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Q;
- THA TP.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

V